

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG
Số: 05/2003/QĐ-BTNMT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 9 năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Ban hành Quy định về cấp phép thăm dò, khai thác và
hành nghề khoan nước dưới đất

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998;

Căn cứ Nghị định số 179/1999/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ quy định việc thi hành Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 91/1999/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý tài nguyên nước và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cấp phép thăm dò, khai thác và hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này thay thế Quyết định số 357/NN-QLN-QĐ ngày 13 tháng 3 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Ban hành "Quy định tạm thời về việc thực hiện chế độ cấp phép thăm dò, khai thác, hành nghề khoan nước ngầm và đăng ký công trình khai thác nước ngầm".

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài nguyên

và Môi trường và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY ĐỊNH

VỀ CẤP PHÉP THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ HÀNH NGHỀ KHOAN NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2003/QĐ-BTNMT ngày 04/09/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định việc cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất và hành nghề khoan nước dưới đất, trừ nước khoáng và nước nóng thiên nhiên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng.

Quy định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) hoạt động thăm dò, khai thác và hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Nước dưới đất (nước ngầm)* là nước tồn tại trong các tầng chứa nước dưới mặt đất.
- Nước khoáng* là loại nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ ra trên mặt đất, có chứa một số hợp chất có hoạt tính mặt đất, có chứa một số hợp chất có hoạt tính sinh học với nồng độ cao theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc theo tiêu chuẩn nước ngoài được Nhà nước Việt Nam cho phép áp dụng.
- Nước nóng thiên nhiên* là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ ra trên mặt đất, có nơi lộ ra trên mặt đất, luôn luôn có nhiệt độ theo quy định Tiêu chuẩn Việt Nam, hoặc theo tiêu chuẩn nước ngoài được Nhà nước Việt Nam cho phép áp dụng.

4. *Thăm dò nước dưới đất* là sử dụng tổ hợp các phương pháp khảo sát địa chất để đánh giá, xác định trữ lượng, chất lượng nước dưới đất và dự báo tác động môi trường do khai thác nước gây ra trên một diện tích nhất định để phục vụ thiết kế công trình khai thác nước theo lưu lượng đặt ra.

5. *Thăm dò kết hợp khai thác nước dưới đất* là thăm dò nước dưới đất mà trong quá trình thi công thăm dò, một hoặc một số lỗ khoan được kết cấu thành giếng khai thác và được sử dụng làm giếng khai thác.

6. *Công trình khai thác nước dưới đất* là các giếng khoan, giếng đào, hang động hoặc hành lang khai thác nước, điểm lộ nước dưới đất được xây dựng hoặc sử dụng để khai thác nước dưới đất.

7. *Công trình khai thác quy mô nhỏ* là công trình có lưu lượng khai thác nhỏ hơn $1.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

8. *Công trình khai thác quy mô vừa* là công trình có lưu lượng khai thác từ $1.000 \text{ m}^3/\text{ngày/đêm}$ đến $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

9. *Công trình khai thác quy mô lớn* là công trình có lưu lượng khai thác lớn hơn $5.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

10. *Khu vực khai thác* là khu vực được bố trí các công trình khai thác nước dưới đất, bao gồm cả phạm vi mà mực nước dưới đất bị hạ thấp do bơm hút nước từ công trình khai thác gây ra.

Điều 4. Thẩm quyền cấp giấy phép, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép, thu hồi giấy phép.

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép và thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với các công trình có lưu lượng khai thác từ $1.000 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ trở lên;

b) Hành nghề khoan nước dưới đất có phạm vi hoạt động từ hai tỉnh trở lên.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân tỉnh) cấp giấy phép, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép và thu hồi

giấy phép đối với các trường hợp sau:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với các công trình có lưu lượng khai thác dưới 1.000 m³/ngày đêm.

b) Hành nghề khoan nước dưới đất có phạm vi hoạt động trong tỉnh.

Điều 5. Cơ quan tiếp nhận, quản lý hồ sơ, giấy phép.

1. Cơ quan tiếp nhận, quản lý hồ sơ, giấy phép gồm:

a) Ở Trung ương là Cục quản lý tài nguyên nước thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Ở địa phương là Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ, giấy phép thăm dò, khai thác, hành nghề khoan nước dưới đất.

3. Giấy phép thăm dò, khai thác, hành nghề khoan nước dưới đất được ghi vào Tập đăng ký giấy phép, được lưu giữ trong hệ thống cơ sở dữ liệu của cơ quan tiếp nhận hồ sơ để theo dõi và định kỳ thông báo trong phạm vi cả nước.

Chương II

CẤP PHÉP THĂM DÒ, KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

Điều 6. Nguyên tắc cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất

Việc cấp phép thăm dò, khai thác nước dưới đất phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

1. Nước dưới đất có chất lượng tốt được ưu tiên cho ăn uống, sinh hoạt;

2. Lượng nước dưới đất được phép khai thác trong một vùng không được vượt quá trữ lượng khai thác;

3. Tại vùng khai thác nước dưới đất đã đạt tới trữ lượng có thể khai thác thì không mở rộng quy mô khai thác nước nếu chưa được bổ sung nhân tạo.

Điều 7. Các trường hợp thăm dò, khai thác nước dưới đất không phải xin phép

1. Khai thác nước dưới đất với quy mô sử dụng trong phạm vi gia đình cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất tiểu thủ công nghiệp và cho các mục đích khác;

2. Khai thác nước dưới đất từ các giếng khoan, giếng đào hoặc các dạng công trình khai thác để thay thế các giếng khoan, giếng đào hoặc các công trình đã bị hư hỏng hoặc giảm công suất khai thác, có lưu lượng khai thác và mực nước hạ thấp nhỏ hơn giới hạn cho phép, nằm trong khu vực khai thác đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác.

Điều 8. Trình tự, thủ tục cấp phép thăm dò nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất nộp hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo phân cấp quy định tại Điều 5 của Quy định này. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn xin thăm dò nước dưới đất theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 của Quy định này;

b) Thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 100 m³/ngày đêm trở lên theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Quy định này;

c) Đề án thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 100 m³/ngày đêm trở lên theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 của Quy định này;

d) Bản sao quyền sử dụng đất tại nơi thăm dò, hoặc văn bản của Ủy ban nhân dân địa phương cho phép sử dụng đất để thăm dò.

2. Trình tự cấp phép thăm dò nước dưới đất được quy định như sau:

a) Trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ hoặc làm lại.

b) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1. Điều này, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế hiện trường, trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết phê duyệt đề án và cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất. Trường hợp không đủ điều kiện cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo lý do cho bên xin phép.

c) Sau khi kết thúc công tác thăm dò hoặc thăm dò kết hợp khai thác, tổ chức, cá nhân xin phép phải nộp báo cáo kết quả thăm dò theo mẫu quy định tại Phụ lục 6